TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN QUỲNH LƯU** **TỈNH NGHỆ AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 24 - 4 - 2018
V/v "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲNH LƯU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Anh Sơn

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Minh Chính

2. Ông Trần Ngọc Lâm

- Thư ký phiên tòa: Ông Bà Phan Lệ Giang – Thư ký Tòa án nhân dân huyện QL, tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân *dân huyện QL tham gia phiên toà*: Bà Vũ Thị Kiều - Kiểm sát viên.

Trong ngày 24 tháng 4 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện QL, tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 268/2017/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 10 năm 2017 về việc "xin ly hôn, tranh chấp nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 38/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 4 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1988. Có mặt.

Địa chỉ: Khối 6, thị trấn CG, huyện QL, tỉnh Nghệ An.

2. Bị đơn: Anh Lê Văn T, sinh năm 1984. có mặt.

Địa chỉ: Khối 6, thị trấn CG, huyện QL, tỉnh Nghệ An

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn xin ly hôn; bản tự khai; biên bản kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H và anh Lê Văn T kết hôn với nhau có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn CG, huyện QL, tỉnh Nghệ An vào ngày 22/9/2006. Hôn nhân tự nguyện, không bị ai ép buộc. Sau khi cưới vợ chồng chung

sống với nhau hạnh phúc nhưng đến khoảng đầu năm 2009 vợ chồng xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình không hợp, thỉnh thoảng anh T có xúc phạm chị. Kể từ tháng 01 năm 2009 đến nay chị H và anh T sống ly thân, không quan tâm gì đến nhau, cuộc sống mỗi người tự lo liệu. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài nên chị Nguyễn Thị H đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lê Văn T.

Về con chung: Chị H và anh T có 01 con chung là Lê Văn B, sinh ngày 20/12/2006. Hiện nay con B do anh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ly hôn chị H đồng ý để anh T được nuôi dưỡng con chung, chị H đồng ý cấp dưỡng nuôi con nếu anh T yêu cầu, theo khả năng chị sẽ đóng góp tiền nuôi con 700.000 đồng/tháng kể từ tháng 5/2018. Từ khi sống ly thân đến nay hàng năm chị đều nộp tiền ăn, tiền học phí cho con tại nhà trường nên chị chỉ đóng góp nuôi con từ tháng 5/2018.

Về tài sản: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã triệu tập hợp lệ anh Lê Văn T nhiều lần nhưng anh T đều vắng mặt không có lý do nên không có lời khai. Tại phiên tòa anh T trình bày: Anh và chị Nguyễn Thị H kết hôn với nhau có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn CG, huyện QL, tỉnh Nghệ An vào ngày 22/9/2006. Hôn nhân hoàn toàn tự nguyện, không ai ép buộc. Sau khi cưới vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc nhưng đến khoảng đầu năm 2009 xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính tình không hợp, vợ chồng xúc phạm lẫn nhau. Kể từ tháng 01 năm 2009 đến nay chị H và anh T sống ly thân, không quan tâm gì đến nhau. Nay xét thấy anh đang còn tình cảm vợ chồng với chị H nên anh không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh T và chị H có 01 con chung là Lê Văn B, sinh ngày 20/12/2006. Hiện nay con B do anh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ly hôn anh có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con chung và yêu cầu chị H đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng kể từ tháng 01/2009 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi trưởng thành. Từ tháng 01/2009 đến nay chị H chỉ đóng góp tiền nuôi con một lần là 2.000.000 đồng.

Về tài sản: Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Qua xác minh về tình trạng hôn nhân tại UBND thị trấn CG, huyện QL, tỉnh Nghệ An ngày 19/3/2017 cho biết chị H kết hôn với anh T là hoàn toàn tự nguyện. Đến năm 2009 vợ chồng có mâu thuẫn về tình cảm nên vợ chồng đã sống ly thân từ đó đến nay. Hiện anh T đang nuôi dưỡng con chung là Lê Văn B, sinh ngày 20/12/2006.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng, kể từ thời điểm Tòa án thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án: Đối với Thẩm phán đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 28, 35 và Điều 48 của Bộ luật tố tụng dân sự; thu thập chứng cứ B đảm đúng quy định; thông báo về việc thụ lý vụ án cho Viện kiểm sát cùng cấp và tống đạt văn bản tố tụng cho đương sự đảm B. Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng và đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự

về thủ tục, trình tự phiên tòa xét xử sơ thẩm. Nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật và thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn anh Lê Văn T không chấp hành đúng quy định tại các Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự; vắng mặt trong các phiên họp và hòa giải tại Tòa án, có mặt tại phiên tòa.

Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 51; các Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí; Xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị H, cho chị H được ly hôn với anh Lê Văn T.

Về con chung: Chấp nhận thỏa thuận giao con chung là Lê Văn B, sinh ngày 20/12/2006 cho anh Lê Văn T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị H đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.350.000 đồng kể từ tháng 5/2018 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi trưởng thành. Chị H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

Tại phiên tòa anh T yêu cầu chị H đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con một lần là 20.000.000 đồng trong thời gian vợ chồng sống ly thân. Chị H không đồng ý vì trong thời gian này chị đã đóng góp tiền ăn, tiền học cho con tại trường, ngoài ra chị còn mua quần áo, sữa cho con. Anh T và chị H đều không có tài liệu, chứng cứ cung cấp nên đề nghị Hội đồng xét xử tách ra giải quyết bằng một vụ kiện dân sự khác khi có đơn yêu cầu là phù hợp quy định của pháp luật cần được chấp nhận.

Về tài sản: Chị H và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Tòa án đã thực hiện tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn anh Lê Văn T. Quá trình giải quyết vụ án anh T cố tình vắng mặt nên không có lời khai, không có yêu cầu phản tố. Tòa án đã tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử cho anh T đến tham gia tố tụng tại phiên tòa sơ thẩm lần thứ nhất nhưng anh T vắng mặt không có lý do nên đã tiến hành hoãn phiên tòa. Phiên tòa lần hai anh T có mặt. Các trình tự tố tụng đã được thực hiện và niêm yết hợp lệ theo đúng quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H với anh Lê Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn vào ngày 22/9/2006 tại UBND thị trấn CG, huyện QL, tỉnh Nghệ An. Hôn nhân tuân thủ các điều kiện kết hôn, như vậy đây là hôn nhân hợp pháp. Qua trình bày của nguyên đơn, bị đơn và kết quả xác minh tại UBND thị trấn CG về tình trạng mâu thuẫn của vợ chồng, theo đó nguyên nhân vợ

chồng mâu thuẫn là xuất phát từ cả hai vợ chồng, tính tình hai người không hợp nhau. Vợ chồng chị H, anh T đã sống ly thân từ tháng 01/2009 đến nay. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, thời gian hai người sống ly thân đã lâu, cuộc sống chung không thể kéo dài nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị H.

[3] Về con chung: Xét thỏa thuận của chị Nguyễn Thị H và anh Lê Văn T là có cơ sở, trong thời gian vợ chồng sống ly thân cháu Lê Văn B vẫn được anh T chăm sóc, nuôi dưỡng tốt, được học hành đầy đủ tại Trường trung học cơ sở thị trấn CG, việc đóng góp nuôi con của chị H là phù hợp, do đó chấp nhận thỏa thuận giao con chung là Lê Văn B, sinh ngày 20/12/2006 cho anh Lê Văn T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị H đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.350.000 đồng kể từ tháng 5/2018 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi trưởng thành. Chị H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

Tại phiên tòa anh T yêu cầu chị H đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con một lần là 20.000.000 đồng trong thời gian vợ chồng sống ly thân. Chị H không đồng ý vì trong thời gian này chị đã đóng góp tiền ăn, tiền học cho con tại trường, ngoài ra chị còn mua quần áo, sữa cho con. Anh T và chị H đều không có tài liệu, chứng cứ cung cấp nên đề nghị Hội đồng xét xử tách ra giải quyết bằng một vụ kiện dân sự khác khi có đơn yêu cầu. Xét chấp nhận đề nghị của các đương sự và ý kiến của Kiểm sát viên là phù hợp với quy định của pháp luật, đảm B được quyền và lợi ích chính đáng của các đương sự.

[4] Về tài sản: Chị Nguyễn Thị H và anh Lê Văn T không yêu cầu tòa án giải quyết nên miễn xét.

[5] Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; các Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình năm 2014. Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị H, chị Nguyễn Thị H được ly hôn với anh Lê Văn T.

2. Về con chung: Chấp nhận thỏa thuận giao con chung Lê Văn B, sinh ngày 20/12/2006 cho anh Lê Văn T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị H phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.350.000 đồng (Một triệu ba tram năm mươi nghìn đồng) kể từ tháng 5/2018 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi trưởng thành. Chị H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản: Nguyễn Thị H và anh Lê Văn T không yêu cầu tòa án giải quyết nên miễn xét.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000 đồng tiền án phí cấp dưỡng nuôi con. Được trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0004792, ngày 17/10/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện QL.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(đã ký)

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND, THADS huyện QL.
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- TAND tỉnh Nghệ An;
- UBND thị trấn CG;
- Lưu HS, VP.

Nguyễn Anh Sơn